

# Văn bản quản lý thời phong kiến Việt Nam VÀ MỘT VÀI NHẬN XÉT

■ **Ths TRIỆU VĂN CƯỜNG (\*)**

**T**ừ khi hình thành nhà nước Văn Lang - Âu Lạc đến năm 1945 nước ta đã trải qua hàng nghìn năm lịch sử với các thời kỳ lịch sử khác nhau. Theo nghiên cứu mới đây của các nhà sử học thời kỳ các Vua Hùng của nhà nước Văn Lang kéo dài khoảng 700-800 năm trước công nguyên. Tiếp nối nhà nước Văn Lang là nhà nước Âu Lạc của An Dương Vương. Nhà nước Âu Lạc chỉ tồn tại một thời gian thì phải đương đầu với cuộc xâm lược của Triệu Đà. Đến khoảng năm 179 trước công nguyên thì nước ta bị Triệu Đà xâm lược hoàn toàn và từ đó bắt đầu thời kỳ Bắc thuộc kéo dài khoảng 1.000 năm. Năm 938 khi Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán và xưng Vương, xây dựng nhà nước độc lập tự chủ. Thời kỳ phong kiến Việt Nam kéo dài qua các triều đại: Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê (hậu Lê), Mạc, Nguyễn (Quang Trung), Nguyễn (Gia Long) đến 1858 khi thực dân Pháp bắt đầu xâm chiếm nước Việt Nam thì nhà nước phong kiến Việt Nam vẫn tiếp tục tồn tại đến 1945. Thời kỳ này gọi là thời kỳ Pháp thuộc, vì thực chất lúc đó vẫn tồn tại triều đình nhà Nguyễn nhưng về mặt quản lý đất nước lúc đó là thực dân Pháp.

Trong suốt chiều dài lịch sử hơn hai nghìn năm, để duy trì, củng cố bảo vệ nhà nước của mình, các triều đại phong kiến Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản quản lý. Nhưng phải kể từ năm 938 khi Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán và xưng Vương, xây dựng nhà nước độc lập tự chủ thì các luật pháp và các văn bản quản lý mới thực chất được hình thành. Trải qua các triều đại, hệ thống các văn bản quản lý dần được hoàn chỉnh. Có thể thống kê các loại văn bản quản lý chủ yếu của các triều đại phong kiến Việt Nam.

## **1. Luật**

Luật là loại văn bản quy phạm pháp luật do vua ban hành dùng để điều tiết các quan hệ xã hội, phục vụ cho quản lý nhà nước. Dưới thời phong kiến, luật là văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất. Các triều đại đã ban hành các bộ luật dưới đây:

(\*)*Hiệu trưởng Trường cao đẳng Văn thư - Lưu trữ.*

- Hình thư: Bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta được ban hành dưới triều Lý (năm 1042).

- Quốc triều thông chế: được biên soạn và ban hành dưới triều Trần Thái Tông (1230) gồm 20 quyển. Bộ luật này còn có tên là Quốc triều hình luật.

- Hoàng triều đại điển: ban hành dưới thời Trần Dụ Tông do các đại thần Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn biên soạn (1341).

- Quốc triều Hình luật: được ban hành dưới thời vua Lê Thánh Tông trên cơ sở kế thừa những thành tựu về luật pháp của các triều vua trước đó và còn được gọi là Luật Hồng Đức. Bộ luật gồm 6 quyển, 13 chương, 722 điều, quy định các hình phạt một cách cụ thể, phản ánh đậm nét những điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ở thời điểm cực thịnh của chế độ phong kiến Việt Nam.

- Hoàng Việt luật lệ: ban hành năm 1815 dưới thời vua Gia Long, còn gọi là Luật Gia Long. Bộ luật này gồm có 398 điều, chia thành 22 quyển, được soạn thảo trên cơ sở tham khảo luật lệ của các triều đại nước ta và luật của nhà Thanh.

Trong số các bộ luật kể trên, đến nay chỉ còn bảo tồn được 2 bộ: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ. Còn các bộ luật khác đã bị thất tán từ lâu. Các sử gia chỉ biết đến chúng qua một số thư tịch khác.

## **2. Chiếu**

Chiếu là loại văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của nhà vua, được các hoàng đế nước ta dùng vào các mục đích sau đây:

- Công bố cho thần dân biết một chủ trương, một quyết sách quan hệ đến vận mệnh đất nước hoặc có ý nghĩa quan trọng về quản lý nhà nước. Thí dụ:

+ Chiếu dời đô của vua Lý Thái Tổ ban hành năm 1010;

+ Chiếu cầu hiền của vua Lê Thái Tổ ban hành ngày 1/10/1428 (Mậu Thân);

+ Chiếu cần vương của vua Hàm Nghi ban hành ngày 13/7/1885 kêu gọi nhân dân và sĩ phu đốc sức phò vua cứu nước;

+ Chiếu lên ngôi hoàng đế của vua Gia Long năm 1806;

+ Ban hành văn bản pháp quy khác;

- Ra lệnh cho thần dân thi hành, thực hiện một quy định, một nhiệm vụ công tác hay một việc cụ thể nào đó.

- Thành lập bộ máy, bổ dụng, thăng giáng, điều động, chuyển chuyển quan lại.

### 3. Lệnh

Lệnh là loại văn bản quy phạm pháp luật do vua ban hành dùng để bổ sung cho luật hoặc đề ra các quy định mới về những vấn đề, sự việc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước. Khi xử lý các vấn đề, sự việc không được luật điều chỉnh thì dựa vào quy định của lệ.

### 4. Lệnh

Lệnh là văn bản do vua ban hành để ra lệnh thi hành hoặc quy định thực hiện các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước. Lệnh là văn bản vừa mang nặng tính chất mệnh lệnh, có hiệu lực thi hành cao, vừa là văn bản có tính quy phạm pháp luật.

### 5. Sắc

Sắc là loại văn bản do vua ban hành để dùng vào các mục đích dưới đây:

- Ra lệnh cho các nha môn và thần dân thi hành và thực hiện các nhiệm vụ công tác và các công việc cụ thể thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Thể hiện quyết định của nhà vua về tổ chức và nhân sự như tuyển bổ, ban phong phẩm hàm, khen thưởng các quan lại.

- Phong thần cho những người có công lao đối với đất nước được dân chúng các làng xã lập đền miếu thờ cúng (thần sắc).

### 6. Chỉ

Chỉ là loại văn bản do vua ban hành dùng để ra lệnh cho thần dân, chính quyền các cấp thi hành một công việc hoặc một chủ trương cụ thể nào đó.

### 7. Dụ

Là hình thức văn bản do vua ban hành dùng để khuyên bảo, răn dạy thần dân, ra lệnh thi hành hoặc đề ra các quy định mang tính chất pháp quy. Còn được gọi là thánh dụ, dụ chỉ hoặc thượng dụ.

### 8. Cáo

Cáo là văn bản do nhà vua dùng để ban bố một sự kiện quan trọng nào đó của đất nước hoặc thông báo cho thần dân biết một chủ trương của vua để thực hiện.

### 9. Sách

Sách là loại văn bản viết thành nhiều tờ và

được đóng lại, nhà vua dùng loại văn bản này để ra quyết định lập hoàng tử, hoàng hậu, ban phong tước hiệu cho các thái tử, hoàng thân, quốc thích hoặc quy định các chủ trương quan trọng.

### 10. Hịch

Hịch là văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của các tướng, soái nhằm động viên, khích lệ quân sĩ.

### 11. Biểu

Biểu là văn bản của quan lại hoặc dân chúng dâng lên vua để chúc mừng, tạ ơn hoặc tạ tội với nhà vua.

### 12. Sớ

Sớ là văn bản của các nha môn, thần dân dùng để báo cáo lên nhà vua tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao, trả lời những vấn đề được vua hỏi hoặc trình bày kiến nghị, đề nghị của mình về một vấn đề sự việc nào đó để vua xem xét và giải quyết.

### 13. Điều trần:

Theo Từ điển Từ Hải, thì điều trần có 2 nghĩa:

- Theo từng điều mà trình bày

- Văn bản của cấp dưới trình bày ý kiến của mình với cấp trên được phân thành từng điều nhất định (\*).

### 14. Tấu

Tấu là loại văn bản mà các nha môn, thần, dân dùng để báo cáo lên nhà vua tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao, trả lời những vấn đề nhà vua hỏi hoặc nêu kiến nghị, đề nghị để vua xem xét và giải quyết.

### 15. Đế

Đế là loại văn bản dùng để phản ánh tình hình thực hiện các mệnh lệnh, sắc chỉ của nhà vua.

### 16. Khải

Khải là văn bản của các nha môn hoặc thần dân trình lên Thái tử hoặc Chúa (chúa Trịnh) để phản ánh tình hình hoặc kiến nghị, đề nghị.

### 17. Giấy thông hành

Giấy thông hành là loại giấy chứng nhận là binh lính, quan lại hoặc dân thường do cơ quan có thẩm quyền cấp cho đương sự khi đi công tác hoặc đi buôn bán, trên đường đi hoặc đến nơi cư trú nếu nhà chức trách xét hỏi thì xuất trình để làm bằng chứng.

Ngoài những văn bản có tính pháp lý cao thì còn có nhiều loại văn bản, sổ sách khác dưới thời phong kiến để phục vụ cho mục đích quản lý nhà nước của các chế độ vương triều. Các loại công văn trao đổi có các loại: tư di, giáo thị, thông tri, tư

trình, trát, trình, truyền thi, bảm. Các văn bản của Hội đồng đình thần như: công đồng truyền, công đồng sai, công đồng khiển, công đồng phó, công đồng di. Phiếu nghĩ, các loại sổ sách hành chính như: sổ hộ tịch (hộ khẩu), sổ duyệt tuyển, sổ ngạch, địa bạ, sổ lý lịch quan chức, sổ thuế, sổ khai tiêu, ngọc điệp, tôn phả...

Sau khi nghiên cứu các văn bản quản lý của các triều đại phong kiến Việt Nam nêu trên ta nhận thấy có một số vấn đề như sau:

1. Văn bản quản lý có rất sớm ở nước ta dưới các triều đại phong kiến dùng để làm công cụ quản lý điều hành đất nước, truyền đạt mệnh lệnh và quyền lực của nhà vua và quan lại phong kiến. Nhưng phải đến triều Lý thì hệ thống văn bản quản lý mới được những văn bản có giá trị pháp lý cao dùng để quản lý đất nước: Bộ Luật hình thư (1042) tiếp theo đó là Quốc Triều Thông chế dưới triều Trần Thái Tông (1230). Những bộ luật sớm nhất của nước ta phần lớn được sao chép tham khảo từ luật của Trung Quốc cùng thời. Bởi vì lúc đó thực chất đất nước ta độc lập, tự chủ song triều đại phong kiến Việt Nam rất nhỏ bé, nghèo và chịu sắc phong của hoàng đế Trung Quốc, nền văn hoá và văn minh của đất nước vẫn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Trung Quốc do có gần 1.000 năm bị Trung Quốc đô hộ. Đến thời vua Lê Thánh Tông bộ luật Hồng Đức được ban hành, đây là bộ luật kế thừa những thành tựu của những bộ luật thời trước, được đánh giá là có nhiều điểm tiến bộ và hợp với tình hình của đất nước và do những soạn giả uyên bác soạn ra. Tiếp đó là bộ luật Gia Long dưới triều Nguyễn Gia Long được đánh giá là bộ luật có nhiều tiến bộ. Hai bộ luật Hồng Đức và luật Gia Long đến ngày nay vẫn còn nhiều giá trị đối với chúng ta về mặt nội dung. Nhiều điểm luật quy định rất chi tiết cụ thể, rõ ràng, quy định xử phạt, khen thưởng nghiêm minh. Đây là điểm mà các nhà làm luật của chúng ta ngày nay cần phải học và quan tâm.

2. Hệ thống văn bản của các triều đại sau hoàn chỉnh hơn các triều đại trước, cùng một tên loại văn bản nhưng đến đời sau lại phân chia đa dạng theo từng vấn đề. Thí dụ: dưới thời Lê Thánh Tông chỉ có một loại Sắc do nhà vua ban hành nhưng đến triều Nguyễn thì chia làm 3 loại Cáo Sắc, Sắc Văn và Sắc Thư. Qua đó có thể thấy nền hành chính của nước ta được phát triển qua các thời kỳ, các triều đại song song với việc dần dần hoàn thiện bộ máy nhà nước trung ương và địa phương.

3. Trong hơn 17 văn bản quản lý chính nêu trên thì có đến 9 văn bản quản lý quan trọng nhất là trực tiếp do vua ban hành. Điều này thể hiện sự tập trung quyền lực trong tay nhà vua.

Dưới triều đại phong kiến, nhà vua có quyền hành tối cao, thậm chí mệnh lệnh của nhà vua cao hơn cả luật. Ý vua là ý trời, vua bảo chết là chết, bảo sống là sống, do vậy việc các văn bản có tính pháp lý cao do vua ban hành là hợp lẽ. Tuy nhiên dưới thời phong kiến, mọi lễ nghi và các quy định rất hà khắc và mọi người kể cả vua đều rất tôn trọng những gì gọi là tổ tiên, những gì mà quy định của tiên nhân. Do vậy vua còn có loại văn bản hay còn gọi là những điều quy định như Tiên chỉ (những điều quy định của vua sáng lập ra một triều đại. Thí dụ như vua Gia Long thời Nguyễn). Song những văn bản này không phải là những quy định mang tính phổ biến mà chỉ có ý nghĩa quy định đối với vua, các dòng tộc nhà vua và các triều thần trong triều đình.

4. Phong kiến Việt Nam chịu ảnh hưởng rất nhiều của phong kiến Trung Quốc, do vậy văn bản quản lý của phong kiến Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng hệ thống văn bản quản lý Trung Quốc từ tên loại cho đến hiệu lực pháp lý của từng loại văn bản. Văn bản mang tính chất quy định bắt buộc phải thực hiện các điều trong đó. Thí dụ: Luật mà các soạn giả bỏ nhiều công sức, dày công biên soạn cho hợp với tình hình của đất nước song phần lớn vay mượn, sao chép Luật của Trung Quốc. Thí dụ như Lệ là loại văn bản có xuất xứ ở Trung Quốc, văn bản có tính pháp lý cao nhưng không bằng luật, quy định chi tiết những vấn đề cụ thể mang tính chất thực tiễn của nhà nước Việt Nam lúc bấy giờ. Khác với Luật, Lệ không vay mượn mà nó được soạn ra phù hợp với tình hình thực tại lúc bấy giờ nên có tính phổ biến cao đối với quảng đại quần chúng nhân dân.

5. Các văn bản quản lý thời phong kiến Việt Nam đều sử dụng chữ Hán làm ngôn ngữ chính trong văn bản. Bởi vì, chữ Hán đã được du nhập vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc và chịu ảnh hưởng lớn của văn hoá Trung Quốc và được sử dụng làm chữ viết ở Việt Nam từ đầu công nguyên khi nhà Hán đô hộ. Tuy nhiên, chữ Nôm cũng đã bắt đầu được dùng từ thời nhà Lý, nhưng đáng kể nhất là thời Lê, Nguyễn, Song chỉ dùng ở một số tác phẩm văn học. Mặt khác, chữ Nôm khó viết nên ít được sử dụng.

Thế kỷ XIX thực dân Pháp bắt đầu đặt sự thống

trị lên đất nước ta nhằm mục đích thống trị lâu dài và song song với việc truyền bá đạo Thiên chúa thì chữ Quốc ngữ đã bắt đầu được sử dụng. Để dễ cai trị, chính quyền thực dân Pháp quy định bắt buộc dùng chữ Quốc ngữ trong việc ban hành văn bản quản lý. Ngày 06/4/1878 Thống đốc Nam Kỳ J.Lapout đã ký Nghị định quy định kể từ ngày 01/01/1882 các văn bản của chính quyền ban hành đều phải viết bằng tiếng Việt. Tuy nhiên, việc ban hành văn bản bằng chữ Quốc ngữ hầu như không được thực hiện mà chỉ sử dụng trong các xuất bản phẩm và tờ báo bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên được xuất bản vào năm 1885 là tờ Gia Định báo của chủ bút Trương Vĩnh Ký. Chữ Quốc ngữ không được sử dụng trong các văn bản của các triều đại nhà Nguyễn vì bị coi là thứ chữ của người nước ngoài mà triều đình và các quần thần cùng nhân dân căm ghét, mặt khác chữ Hán đã được dùng nghìn năm và được coi là chữ viết chính thức của đất nước. Do vậy, trước năm 1845 các văn bản quản lý của nhà Nguyễn vẫn sử dụng bằng chữ Hán, có những văn bản quan trọng thì có bản dịch tiếng Pháp kèm theo, còn văn bản của chính quyền thực dân Pháp thì hoàn toàn bằng tiếng Pháp.

6. So sánh các loại văn bản quản lý thời phong kiến và các văn bản hiện nay thì chúng ta có thể thấy sự giống nhau của các loại văn bản, có thể so sánh một số loại văn bản chính có tính pháp lý cao mà ngày nay ta gọi là văn bản quy phạm pháp luật, còn những công văn trao đổi, sổ sách thì ở đây chưa có điều kiện so sánh:

Bảng so sánh trên là dựa trên hiệu lực pháp lý, tính phổ biến, nội dung quy định của từng loại văn

Tên loại văn bản hiện nay	
Tên loại văn bản	Người ban hành
Luật	Quốc hội
Pháp lệnh	UBTV Quốc hội
Lệnh	Chủ tịch nước
Ngũ lệnh	Chính phủ
Thông cáo Thông báo	Văn phòng Quốc hội
Nghị định Quyết định	Chính phủ, Thủ tướng
Chỉ thị	Thủ tướng Chính phủ

bản của từng thời kỳ. Tuy nhiên, có nhiều văn bản so sánh sự giống nhau chỉ là tương đối vì ngoài chức năng chính của nó còn có thêm nhiều chức năng phụ nữa, do đó nó có thể còn có giá trị như văn bản khác ngày nay. Thí dụ: Lệ dưới thời phong kiến là văn bản quy phạm pháp luật do nhà vua ban hành dùng để bổ sung cho Luật hoặc để ra các quy định mới về những vấn đề, sự việc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước. Khi xử lý các vấn đề, sự việc không được Luật điều chỉnh thì dựa vào quy định của Lệ. Như vậy, Lệ về mặt pháp lý và nội dung quy định thì giống Pháp lệnh ngày nay, nhưng nó còn có giá trị bổ sung cho Luật thì nó lại giống như Nghị định ngày nay dùng để hướng dẫn và triển khai một vấn đề cụ thể của Luật. Thí dụ như văn bản Chiếu ngoài mục đích để công bố một chủ trương còn có mục đích để ban hành văn bản pháp quy khác, mục đích ra lệnh cho thần dân thi hành, thực hiện một quy định, một nhiệm vụ công tác hay một việc cụ thể nào đó, mục đích để thành lập bộ máy, bổ dụng, thăng, giáng, điều động, chuyển... Do vậy, ngoài sự giống loại văn bản thông cáo, thông báo ngày nay, chiếu còn có thể sử dụng như các loại văn bản ngày nay: Lệnh của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ... Mỗi loại văn bản đều có nhiều mục đích khác nhau, dựa trên các quy định cụ thể của từng văn bản. Do vậy, bảng so sánh trên chỉ có tính tương đối và dựa vào mục đích chính của từng loại văn bản để làm căn cứ so sánh■

Tên loại văn bản thời phong kiến	
Tên loại văn bản	Người ban hành
Luật	Vua
Lệ	Vua
Lệnh	Vua
Chiếu	Vua
Sắc	Vua
Chỉ, Dụ	Vua
Cáo ...	Vua